

Bản án số: 170/2017/HNGĐ-ST

Ngày 27-10-2017.

V/v: *Tranh chấp HN-GĐ*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Kỳ Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Yên.

2. Bà Hoàng Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nương – Thư ký tòa án, Toà án nhân dân huyện Yên Định, Tỉnh Thanh hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên

Ngày 27/10/2017 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2017 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Kim T, Sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Hùng Thái, xã Yên Hùng, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, Sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn Hùng Thái, xã Yên Hùng, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

Hiện tạm trú tại: Thôn Lâm Tùng, xã YaChim, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Tại phiên toà có mặt anh T, vắng mặt chị N (chị N có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/8/2017 cũng như tại bản tự khai ngày 15/8/2017, nguyên đơn là Anh Nguyễn Kim T trình bày:

Anh và chị Lê Thị N kết hôn với nhau ngày 15/11/1989 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị N đã bỏ nhà đi miền

nam làm ăn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau.

Nay anh T xét thấy không còn tình cảm gì với chị N nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Kim L, sinh ngày 01/7/1991; Nguyễn Thị N, sinh ngày 06/9/1993 và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/7/2003. Hiện nay cháu L và cháu N đã đến tuổi thành niên, còn cháu Vân A đang ở với chị N.

Nguyên vọng của anh là được nuôi cháu Vân A, còn chị N nếu có nguyện vọng nuôi cháu Vân A thì anh cũng đồng ý để chị N nuôi con. Còn các cháu L và N đã đến tuổi thành niên nên việc các cháu ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/9/2017, bị đơn là chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh T kết hôn với nhau năm 1989 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau đến năm 2010 thì ly thân, nguyên nhân do trong thời gian sống chung, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn mà thường xuyên rượu chè, cờ bạc về chửi bới vợ con.

Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị cũng đồng ý ly hôn với anh T vì không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Kim L, sinh ngày 01/7/1991; Nguyễn Thị N, sinh ngày 06/9/1993 và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/7/2003. Hiện nay cháu L và cháu N đã đến tuổi thành niên, còn cháu Vân A đang ở với chị N.

Nguyên vọng của chị N là được nuôi cháu Vân A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu L và cháu N đã đến tuổi thành niên nên không có yêu cầu gì về việc chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do chị N không thể đến tòa án làm việc được nên chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị và cho chị được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên hòa giải.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt chị N, nhưng chị N đã có đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên làm việc và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa.

- Về đề nghị giải quyết vụ án:
- + Về điều luật áp dụng: đề nghị áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điều 146, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 và điều 266 BLTTDS; khoản 1 điều 25 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.
- + Về hôn nhân: xử cho anh Nguyễn Kim T được ly hôn chị Lê Thị N.
- + Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Vân A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.
- + Tài sản chung vợ chồng không yêu cầu giải quyết.
- + Về án phí: Anh Nguyễn Kim T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị N có hộ khẩu thường trú tại Thôn Hùng Thái, xã Yên Hùng, huyện Yên Định, Thanh Hóa nên việc anh Nguyễn Kim T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 điều 28; điều 37; điều 39 Bộ luật TTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, do chị Lê Thị N đang tạm trú tại Thôn Lâm Tùng, xã YaChim, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum nên Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã ủy thác cho Tòa án nhân dân TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum thu thập chứng cứ vụ án. Chị Lê Thị N đã có bản tự khai, được nhận Thông báo thụ lý vụ án và có đơn xin xử vắng mặt, xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên hòa giải của Tòa án. Vì vậy không tiến hành tổ chức phiên hòa giải giữa anh T và chị N được thuộc trường hợp không thể tiến hành phiên hòa giải theo khoản 4 điều 207 Bộ luật TTDS.

Ngày 27/10/2017 Tòa án nhân dân huyện Yên Định mở phiên tòa, tại phiên tòa có mặt anh T vắng mặt chị N. Nhưng do chị N đã có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 228 để xét xử vắng mặt chị N là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Anh Nguyễn Kim T và chị Lê Thị N kết hôn với nhau ngày 15/11/1989 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Hùng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì sống ly thân, nguyên nhân do tính tình không hợp.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ, hai bên đương sự đều cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, đến nay tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Xét yêu cầu được ly hôn của anh T và chị N thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân với nhau lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, và nguyện vọng của cả anh T và Chị N đều muốn được ly hôn, vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn chị N là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Kim L, sinh ngày 01/7/1991; Nguyễn Thị N, sinh ngày 06/9/1993 và Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/7/2003. Hiện nay cháu L và cháu N đã đến tuổi thành niên, còn cháu Vân A đang ở với chị N.

Trong quá trình xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu Vân A và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng nếu chị N có nguyện vọng nuôi cháu Vân A thì anh T cũng đồng ý giao cháu Vân A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy lâu nay cháu Nguyễn Thị Vân A đang ở với mẹ và nguyện vọng của hai bên đương sự đều muốn được giao con cho chị N nuôi dưỡng và tại bản tự khai, cháu Vân A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Đối với cháu L và cháu N đã đến tuổi thành niên nên không xem xét đến việc nuôi con chung. Vì vậy cần giao cháu Nguyễn Thị Vân A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật và đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Do hai bên không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác về tài sản chung cho hai bên đương sự.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 56, điều 81, 82, 83 của Luật HN- GD; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Kim T được ly hôn chị Lê Thị N.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Vân A, sinh ngày 02/7/2003 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Kim T

Anh T được quyền đi lại chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm.

Vì quyền lợi của con, hai bên đương sự có quyền khởi kiện về việc yêu cầu thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự cho rằng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dành quyền khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Anh Nguyễn Kim T phải nộp 300.000đ án phí HNGĐST nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại phiếu thu số AA/2015/0003838 ngày 04/8/2017 của Chi cục THADS Yên Định (Anh T đã nộp đủ án phí).

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Các bên đương sự;
- Chi cục THA DS Yên Định;
- Nơi cấp Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Kỳ Anh